

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày 01/3/2024

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ A - TỈNH GIA LAI

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Thị Bích Thảo.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan;
- Bà Văn Thị Thu Vân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Chung – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 224/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXX-ST ngày 18/01/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 1986; nơi đăng ký thường trú: Tổ B, phường T, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: A Đ, Tổ I, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; có mặt;

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Tiến T, sinh năm 1990; nơi đăng ký thường trú: Tổ F, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện tại: A Đ, Tổ I, phường A, thị xã A, tỉnh Gia Lai; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh N trình bày: Chị và anh Nguyễn Tiến T tự nguyện tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2013, đến ngày 30/3/2015 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T. Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh T ăn chơi không chăm lo làm ăn, ngoại tình với người khác, thường xuyên dùng lời lẽ ngang ngược, đánh chửi vợ. Chị và anh T đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10 năm 2023 đến nay. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

Về con chung: Chị và anh T có 2 con chung là Nguyễn Thành N1, sinh ngày 13/5/2018 và Nguyễn Thành D, sinh ngày 25/5/2015. Các con đều đang sống cùng với chị, chị làm nghề buôn bán, thu nhập ổn định nên có điều kiện để chăm sóc và nuôi dạy con. Anh T hiện không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, từ tháng 10 năm 2023 đến nay các con đều do một mình chị chăm sóc chứ anh T không chăm lo gì. Do vậy chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Lời khai có tại hồ sơ của bị đơn anh Nguyễn Tiến T thể hiện: Anh và chị Nguyễn Thị Minh N tự nguyện kết hôn có đăng ký kết hôn như chị N trình bày. Trong quá trình chung sống vợ chồng anh cũng có mâu thuẫn, cãi nhau nhưng không đến mức trầm trọng nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị N.

Về con chung: Anh và chị N có 2 con chung là Nguyễn Thành N1, sinh ngày 13/5/2018 và Nguyễn Thành D, sinh ngày 25/5/2015. Nếu Tòa án vẫn quyết định cho ly hôn thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai con và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung nghĩa vụ chung về tài sản: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã A tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ phần yêu cầu của nguyên đơn: Về hôn nhân chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Minh N ly hôn với anh Nguyễn Tiến T. Về việc nuôi con, giao cho chị N trực tiếp nuôi 02 con là Nguyễn Thành N1, sinh ngày 13/5/2018 và Nguyễn Thành D, sinh ngày 25/5/2015. Về án phí, nguyên đơn chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh N yêu cầu ly hôn và có tranh chấp về nuôi con với anh Nguyễn Tiến T; có nơi cư trú tại thị xã A, tỉnh Gia Lai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thì đây là vụ án về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã A, tỉnh Gia Lai.

[2] Bị đơn anh Nguyễn Tiến T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b

khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Tiến T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Minh N và anh Nguyễn Tiến T chung sống với nhau như vợ chồng không có đăng ký kết hôn từ năm 2013, đến ngày 30/3/2015 mới đăng ký kết hôn, nên theo quy định tại khoản 2 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình thì quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh T xác lập hợp pháp từ ngày 30/3/2015. Trong quá trình chung sống chị N và anh T phát sinh mâu thuẫn nên chị N yêu cầu ly hôn với anh T. Anh T mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng cả hai bên đều đã không cố gắng gỡ bỏ mâu thuẫn để tiếp tục chung sống cùng nhau. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Minh N với anh Nguyễn Tiến T.

[4] Về việc nuôi con: Chị N và anh T có 02 con chung là Nguyễn Thành N1, sinh ngày 13/5/2018 và Nguyễn Thành D, sinh ngày 25/5/2015. Cháu D có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Xét các điều đang còn nhỏ tuổi, hiện đang sống cùng với mẹ, cần thiết có sự chăm sóc của mẹ. Chị N có sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con, nên chấp nhận giao cho chị N trực tiếp nuôi cả hai con. Chị N không có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị N và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Tiến T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 119 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cụ thể như sau:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận chị Nguyễn Thị Minh N ly hôn với anh Nguyễn Tiến T.

2. Về việc nuôi con: Giao cho chị Nguyễn Thị Minh N trực tiếp nuôi con là Nguyễn Thành N1, sinh ngày 13/5/2018 và Nguyễn Thành D, sinh ngày 25/5/2015, khi các cháu N1 và D chưa thành niên hoặc đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Minh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*), được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006966 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Nguyễn Tiến T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 01/3/2024. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Hội thẩm nhân dân**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Văn Thị Thu Vân      Nguyễn Thị Ngọc Lan**

**Bùi Thị Bích Thảo**

***Nơi nhận:***

- VKSND thị xã A;
- Chi cục THADS TX A;
- UBND phường Tây Sơn, thị xã A, tỉnh Gia Lai  
(đề ghi vào sổ hộ tịch, số 15/2015, quyển số 01/2014);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thị Bích Thảo**